

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán
và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

Dự án: Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 102/TTr-BQL ngày 12/6/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1188/SNN-QLXDCT ngày 12/6/2019 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 355/BC-SKHĐT ngày 13/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán, dự án Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước.

2. **Loại và cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
3. **Địa điểm xây dựng:** Huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
4. **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.
5. **Nhà thầu lập Thiết kế BVTC - Dự toán:** Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Khánh Hòa.

6. **Chủ nhiệm công trình:** Kỹ sư Võ Lương.

7. **Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:**

a. **Quy mô và giải pháp thiết kế:**

- Tuyến đê: Theo tuyến dự án đã được phê duyệt.

- Chiều dài tuyến đê: Tổng chiều dài 3.533,78m, gồm 02 đoạn.

+ Đoạn 1: Chiều dài 306,88m. Điểm đầu tại K0+300 (cuối đường bê tông của khu dân cư thuộc xã Phước Thành). Điểm cuối tại K0+606,88 (giáp với điểm đầu công trình “Đê Dốc Sông Xóm 3” do huyện Tuy Phước đầu tư).

+ Đoạn 2: Chiều dài 3.226,90m. Điểm đầu tại K1+230,28 (giáp với điểm cuối công trình “Đê Dốc Sông Xóm 3” do huyện Tuy Phước đầu tư). Điểm cuối tại K4+457,18 (khóa vào thượng lưu Cầu Diêu Trì).

- Cao trình đỉnh đê: Thay đổi từ +9.70m đến +8.00m.

- Kết cấu đê: Thân đê đắp bằng đất đê cũ và đất cấp 3 đầm chặt $K=0,95$; mặt đê rộng 5m, gia cố bằng bê tông M250, đá 2x4, dày 20cm, kết hợp làm đường giao thông và quản lý vận hành; mái đê phía sông gia cố bằng tấm lát bê tông M200 kích thước (50x50)cm dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép M250 đá 1x2, cắt nhịp dài 11,65m; mái đê phía đồng trồng cỏ.

- Hệ số mái đê: Phía sông $m=2,0$, phía đồng $m=1,5$.

- Gia cố chân đê phía sông: Đoạn đê từ K1+757,95 đến K2+060 và K3+186,27 đến K3+782,36, gia cố chân đê phía sông bằng dầm bê tông cốt thép M250, kích thước $B \times H = (0,35 \times 0,50)m$. Đoạn đê từ K0+300 đến K0+606,88, K1+230,28 đến K1+757,95, K2+060 đến K3+186,27 và K3+782,36 đến K4+457,18, gia cố chân đê phía sông bằng dầm bê tông cốt thép M250, kích thước $B \times H = (0,45 \times 1,0)m$, phía ngoài thảm đá hộ.

- Công trình trên đê: Xây dựng 14 cống tiêu bằng ống bê tông ly tâm và bố trí các bậc cấp lên xuống dọc theo tuyến đê.

b. **Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Loại công trình		Nông nghiệp và PTNT
II	Cấp công trình	cấp	IV
III	Tần suất thiết kế		Lũ chính vụ 5%
IV	Phần đê	m	3.533,78

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
IV.1	Đoạn 1 (Từ K0+300 đến K0+606,88)		
1	Chiều dài đê	m	306,88
2	Cao trình đỉnh đê	m	9.70
3	Chiều rộng mặt đê	m	5,00 (Đường giao thông nông thôn loại C)
4	Hệ số mái đê phía sông		2,00
5	Hệ số mái đê phía đồng		1,50
6	Kết cấu mặt đê		Bê tông M250
7	Kết cấu thân đê		Đắp đất đê cũ và đắp đất cấp 3 đầm chặt K=0,95
8	Gia cố mái đê phía sông		Tấm bê tông M200, KT (50x50x15)cm, dầm 2x4 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật
9	Gia cố mái đê phía đồng		Trồng cỏ
10	Gia cố chân đê phía sông		Dầm BTCT M250 kích thước (0,45x 1,00)m, phía ngoài thảm đá hộc
IV.2	Công trình trên đê - Đoạn 1 (Từ K0+300 đến K0+606,88)		
IV.2.1	Cống tiêu D100cm	cái	2,00
1	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT M300-H30. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M200
2	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
IV.3	Đoạn 2 (Từ K1+230,28 đến K4+457,18)		
1	Chiều dài đê	m	3.226,90
2	Cao trình đỉnh đê	m	9.52 -:- 8.00
3	Chiều rộng mặt đê	m	5,00 (Đường giao thông nông thôn loại C)
4	Hệ số mái đê phía sông		2,00
5	Hệ số mái đê phía đồng		1,50
6	Kết cấu mặt đê		Bê tông M250
7	Kết cấu thân đê		Đắp đất đê cũ và đắp đất cấp 3 đầm chặt K=0,95
8	Gia cố mái đê phía sông		Tấm bê tông M200, KT (50x50x15)cm, dầm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
			2x4 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật
9	Gia cố mái đê phía đồng		Trồng cỏ
10	Gia cố chân đê phía sông		Dầm BTCT M250 kích thước (0,35x 0,50)m và Dầm BTCT M250 kích thước (0,45x 1,00)m, phía ngoài thảm đá hộc
IV.4	Công trình trên đê - Đoạn 2 (Từ K1+230,28 đến K4+457,18)		
IV.4.1	Cống tiêu D100cm	cái	11,00
1	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT M300-H30. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M200
2	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
IV.4.2	Cống tiêu 3D150cm	cái	1,0
1	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT M300-H30. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M200
2	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 67.937.505.000 đồng.

(Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng 56.489.345.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án 1.201.682.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD 3.402.972.000 đồng;
- Chi phí khác 3.608.387.000 đồng;
- Chi phí dự phòng 3.235.119.000 đồng,

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 hỗ trợ cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, vốn Trung ương hỗ trợ và vốn ứng ngân sách của tỉnh.

10. Phân kỳ đầu tư:

a) Giai đoạn 1: Năm 2019 ưu tiên xây dựng khoảng 1.903,07m đê sông Hà Thanh thuộc xã Phước Thành, xã Phước An và thị trấn Diêu Trì có phạm vi

bồi thường, giải phóng mặt bằng thuận lợi hơn; kinh phí thực hiện khoảng 40 tỷ đồng, phù hợp với nguồn vốn đã bố trí cho dự án trong năm 2019.

b) Giai đoạn 2: Năm 2020 triển khai xây dựng tiếp khoảng 1.630,71m đê sông Hà Thanh đoạn còn lại thuộc xã Phước Thành, xã Phước An và thị trấn Diêu Trì có phạm vi bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư phức tạp hơn; kinh phí thực hiện khoảng 60 tỷ đồng, theo kế hoạch dự kiến nguồn vốn bố trí bổ sung cho dự án năm 2020.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

12. Phương thức thực hiện: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước, với nội dung chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10 (14b). 

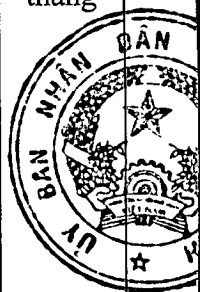


Trần Châu

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước
(Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Dịch vụ phi tư vấn								
1	Bảo hiểm công trình xây dựng, công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 1, chiều dài 1.903,07m gồm: (Đoạn 1: Từ K0+300 đến K0+606,88; Đoạn 2b: Từ K2+083,37 đến K3+180; Đoạn 2d: Từ K3+712,21 đến K4+211,77)	364.414	Ngân sách Nhà nước	Chi định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II năm 2019	Hợp đồng trộn gói	06 tháng
2	Bảo hiểm công trình xây dựng, công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 2, chiều dài 1.630,71m gồm: (Đoạn 2a: Từ K1+230,28 đến K2+083,37; Đoạn 2c: Từ K3+180 đến K3+712,21, Đoạn 2e: Từ K4+211,77 đến K4+457,18)	217.426	Ngân sách Nhà nước	Chi định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý I năm 2020	Hợp đồng trộn gói	12 tháng



[Handwritten signature]
6

T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Dịch vụ tư vấn								
3	Lập HSMT và đánh giá HSDT, gói thầu Thi công xây dựng - Giai đoạn 2	38.380	Ngân sách Nhà nước	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý I năm 2020	Hợp đồng trộn gói	90 ngày
4	Giám sát thi công xây dựng công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 1, chiều dài 1.903,07m gồm: (Đoạn 1: Từ K0+300 đến K0+606,88; Đoạn 2b: Từ K2+083,37 đến K3+180; Đoạn 2d: Từ K3+712,21 đến K4+211,77)	729.182	Ngân sách Nhà nước	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý II năm 2019	Hợp đồng trộn gói	06 tháng
5	Giám sát thi công xây dựng công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 2, chiều dài 1.630,71m gồm: (Đoạn 2a: Từ K1+230,28 đến K2+083,37; Đoạn 2c: Từ K3+180 đến K3+712,21, Đoạn 2e: Từ K4+211,77 đến K4+457,18)	435.064	Ngân sách Nhà nước	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Quý I năm 2020	Hợp đồng trộn gói	12 tháng
Xây lắp								

7/10

T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Thi công xây dựng công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 1, chiều dài 1.903,07m gồm: (Đoạn 1: Từ K0+300 đến K0+606,88; Đoạn 2b: Từ K2+083,37 đến K3+180; Đoạn 2d: Từ K3+712,21 đến K4+211,77)	38.564.244 (trong đó: - Chi phí xây dựng: 35.380.040 - Chi phí hạng mục chung: 1.415.202 - Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh: 1.769.002)	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu (*)	Thương thảo hợp đồng	Quý II năm 2019	Theo đơn giá cố định	06 tháng
7	Thi công xây dựng công trình Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Diêu Trì, huyện Tuy Phước - Giai đoạn 2, chiều dài 1.630,71m gồm: (Đoạn 2a: Từ K1+230,28 đến K2+083,37; Đoạn 2c: Từ K3+180 đến K3+712,21, Đoạn 2e: Từ K4+211,77 đến K4+457,18)	23.009.142 (trong đó: - Chi phí xây dựng: 21.109.305 - Chi phí hạng mục chung: 844.372 - Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh: 1.055.465)	Ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý I năm 2020	Theo đơn giá cố định	12 tháng
8	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	242.550	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý II năm 2019	Hợp đồng trọn gói	01 tháng
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 63.600.402.000 đồng								

(*) Chỉ định thầu được thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 22 Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 và Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Ule